

KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số.....96.....ngày...22 tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
*	TỔNG CỘNG	4.405.292.019	4.373.438.837	-	31.853.182		
A	Thuế GTGT	2.611.290.039	2.611.290.039	-	-		
I	Văn phòng Cục Thuế	697.080.377	697.080.377	-	-		
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9	66.095.812	66.095.812	HGI112421 - 00018261 ngày 8/10/2021			
2	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hà Giang	18.532.364	18.532.364	(10/9/2021)			
3	Công ty cổ phần thủy điện Thanh Thủy	14.217.592	14.217.592	3288288 (06/9/2021)			
4	Công ty cổ phần Minh Tâm	287.093.623	287.093.623	Điều chỉnh tờ khai thuế T8/2021			
5	Công ty TNHH Sơn Lâm	118.032.218	118.032.218	Điều chỉnh tờ khai thuế T8/2021			
6	Công ty TNHH Tân Bình Minh	3.047.292	3.047.292	Điều chỉnh tờ khai thuế T8/2021			
7	Công ty TNHH Phương Nam	4.000.000	4.000.000	Điều chỉnh tờ khai thuế Quý 3/2021			
8	Công ty TNHH MTV 459	81.095.456	81.095.456	Bù trừ nộp thừa			
9	Công ty TNHH MTV Trang Linh	8.000.000	8.000.000	15671 (08/9/2021)			
10	Công ty TNHH Thanh Long	55.956.364	55.956.364	HGI1123213565223 ngày 29/10/2021			
11	Công ty TNHH Vận tải Phương Anh	27.747.565	27.747.565	Bù trừ nộp thừa			
12	Công ty TNHH Bảo Sơn	13.262.091	13.262.091	Điều chỉnh tờ khai thuế T8/2021			
II	Huyện Bắc Quang	1.145.454.844	1.145.454.844	-	-		
1	Công TNHH MTV Thuận Linh HD	129.487.082	129.487.082	HGI1324210010163 ngày 28/10/2021			
2	DNTN Xí nghiệp Xây lắp và Chế biến Nông Lâm sản Chiến Thắng	85.999.552	85.999.552	0008885 ngày 27/9/2021			
3	Công ty TNHH Kỳ Nam	85.424.513	85.424.513				Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa
4	Công ty TNHH Huy Phương	801.961.116	801.961.116	0008876 ngày 24/9/2021			Trong đó điều chỉnh giảm khấu trừ 73.234.803 tại tờ khai điều chỉnh ngày 25/7/2021
5	Công ty TNHH Sơn Bắc Bắc Quang	42.582.581	42.582.581	3312465 ngày 09/9/2021			
III	Huyện Mèo Vạc	74.868.265	74.868.265	-	-		

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
1	Công Ty TNHH MTV Bình Minh 2	54.913.838	54.913.838	HGI162222 - 0188393 ngày 10/01/2022			
2	Công ty TNHH ĐTXD Bắc Nam	10.761.639	10.761.639	HGI1622214724956_07/09/2021			Nộp thừa 280,065 (chứng từ ghi 11,041,704)
3	HTX thương mại vận tải và xây dựng Việt Tiến	9.192.788	9.192.788	HGI1622214714072_06/09/2021			
IV	Huyện Vị Xuyên	586.837.994	586.837.994	-	-		
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Lộc	22.000.000	22.000.000	Số 05647, ngày 03/8/2021			Tăng thu NSNN
2	Công ty TNHH Đại Minh Thịnh	418.785.806	418.785.806	Tờ khai Đ/c, ngày 29/03/2021			Đ/c giảm khấu trừ
3	Công ty TNHH một thành viên Chiến Mai	146.052.188	146.052.188	Đơn vị điều chỉnh hồ sơ khai thuế, giảm khấu trừ, do còn thuế GTGT đầu vào được khấu trừ			Đ/c giảm khấu trừ
V	Huyện Xín Mần	107.048.559	107.048.559		-		
1	Hợp tác xã Tân Mỹ	44.433.169	44.433.169	HGI192221561540 ngày 2/11/2021			
2	Công ty CP thương mại Hải Đoàn	62.615.390	62.615.390				Đơn vị đã thực hiện theo biên bản đối chiếu số liệu. thuế GTGT đầu ra: 52.797.193(hóa đơn xuất T4/2021), giảm khấu trừ đầu vào: 9.818.208. dẫn đến số giảm KTrừ chuyển kỳ sau: 62.615.401. Đơn vị KK chung vào TK quý II/2021
B	Thuế TNDN	1.336.527.954	1.304.674.772	-	31.853.182		
I	Văn phòng Cục Thuế	1.030.919.116	1.030.919.116	-	-		
1	Công ty TNHH 307 Hà Giang	268.851.128	268.851.128	HGI1123213700530 ngày 20/10/2021 nộp TNDN 99.561.765)			Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa 169.289.363
2	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9	16.545.454	16.545.454	5136615 (08/11/2021)			
3	Công ty TNHH Khánh Chi	17.951.466	17.951.466				Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa
4	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hà Giang	25.945.309	25.945.309	(10/9/2021)			
5	Công ty cổ phần thủy điện Thanh Thủy	37.348.804	37.348.804	3288198 (06/9/2021)			
6	Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông	104.288.500	104.288.500	(30/8/2021)			
7	Công ty TNHH Thọ Giang	32.253.272	32.253.272	15455 (01/9/2021)			
8	Công ty TNHH Sơn Lâm	165.245.149	165.245.149	16287 (20/9/2021)			
9	Công ty CP môi trường đô thị Hà Giang	26.391.010	26.391.010	2710 (28/4/2021)			

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
10	Công ty TNHH Tân Bình Minh	4.266.208	4.266.208	15922 (13/9/2021)			
11	Công ty TNHH Phương Nam	5.600.000	5.600.000	15712 (09/9/2021)			
12	Công ty TNHH MTV T&D Hà Giang	8.148.000	8.148.000	3285945 (06/9/2021)			
13	Công ty TNHH MTV 459	14.094.129	14.094.129	HGI112421-0023141 ngày 30/12/2021			
14	Công ty TNHH Trung Kiên	25.018.560	25.018.560	10553 (22/9/2021)			
15	Công ty TNHH MTV Trang Linh	387.100	387.100	15671 (08/9/2021)			
16	Công ty TNHH Thanh Long	3.133.556	3.133.556	HGI1123213865214 ngày 29/10/2021			
17	Công ty TNHH Vận tải Phương Anh	38.846.592	38.846.592	Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa			
18	Công ty CP ĐT và PT Phương Đông	27.723.045	27.723.045	Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa			
19	Công ty TNHH Bảo Sơn	18.566.927	18.566.927	Đơn vị bù trừ số thuế nộp thừa			
20	Công ty TNHH TM Hoàng Minh	25.144.616	25.144.616	3350148 (15/9/2021)			
21	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	669.645	669.645	4840319 (17/9/2021)			
22	Công ty TNHH Duy Thành	23.269.890	23.269.890	2870080 (10/5/2021)			
23	Công ty TNHH Tân Sơn	45.918.600	45.918.600	3281826 (01/9/2021)			
24	Công ty TNHH Bình Long	10.801.000	10.801.000	8271 (28/4/2021)			
25	Công ty CP Hợp kim Sắt Hà Giang	71.787.006	71.787.006	3175732 (14/8/2021) & 3329306 (13/8/2021)			
26	Công ty TNHH MTV Thủy điện Nho Quế 3	12.724.150	12.724.150	15315 (30/8/2021)			
II	Huyện Bắc Quang	117.053.561	85.200.379	-	31.853.182		
1	Công TNHH MTV Thuận Linh HD	10.119.684	10.119.684	HGI1324210010164 ngày 28/10/2021			
2	DNTN Xí nghiệp Xây lắp và Chế biến Nông Lâm sản Chiến Thắng	5.427.362	5.427.362	0008885 ngày 27/9/2021			
3	Công ty TNHH Kỳ Nam	4.963.176	4.963.176	HGI1323213854279 ngày 29/10/2021			
4	Công ty TNHH Quang Ngọc	31.853.182			31.853.182		Khó khăn tài chính
5	Công ty TNHH Cường Phú	8.855.000	8.855.000	3229817 ngày 24/8/2021			
6	Công ty TNHH Huy Phương	43.107.885	43.107.885	0008876 ngày 24/9/2021			
7	Công ty TNHH Sơn Bắc Bắc Quang	12.727.272	12.727.272	3312465 ngày 09/9/2021			
III	Huyện Mèo Vạc	9.288.352	9.288.352	-	-		
1	Công ty TNHH MTV Yên Nhi	3.212.371	3.212.371	HGI1622214790584_14/09/2021			
2	Công Ty TNHH MTV Bình Minh 2	2.256.693	2.256.693	HGI162222-0513907 ngày 18/01/2022			
4	Công ty TNHH ĐTXD Bắc Nam	280.065	280.065	HGI1622214724956_07/09/2021			
6	HTX thương mại vận tải và xây dựng Việt Tiến	3.539.223	3.539.223	HGI1622214714072_06/09/2021			

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
IV	Huyện Vị Xuyên	97.727.394	97.727.394	-	-		
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn An Ly Hà Giang	30.328.567	30.328.567	Số 05885, ngày 11/8/2021			Tăng thu NSNN
2	Doanh nghiệp tư nhân Hữu Nghị	24.028.480	24.028.480	Số 2810311, ngày 06/7/2021			Tăng thu NSNN
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Lộc	4.243.658	4.243.658	Số 05648, ngày 03/8/2021			Tăng thu NSNN
4	Công ty TNHH một thành viên Khánh Vũ 289	36.540.000	36.540.000	Số 3104494, ngày 03/8/2021			Tăng thu NSNN
5	Công ty TNHH một thành viên Chiến Mai	2.586.689	2.586.689	Số 05975, ngày 16/8/2021			Tăng thu NSNN
V	Huyện Xín Mần	81.539.530	81.539.530	-	-		
1	Hợp tác xã Tân Mỹ	5.200.308	5.200.308	HGI1922215612540 ngày 2/11/2021			
2	Công ty CP thương mại Hải Đoàn	21.141.478	21.141.478	3038011 ngày 18/5/2021			
3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5999	47.790.744	47.790.744	345221072955001 ngày 29/7/2021			
4	Công ty CP Xây dựng thủy điện Hà Giang	4.620.000	4.620.000	217221052655004 ngày 25/5/2021			
5	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	2.787.000	2.787.000	5098395 ngày 06/10/2021			
C	Thuế Tài nguyên	79.661.895	79.661.895	-	-		
I	VP Cục thuế	50.059.800	50.059.800	-	-		
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9	1.684.800	1.684.800	HGI112421 - 0018262 ngày 8/10/2021			
2	Công ty TNHH MTV Trang Linh	48.375.000	48.375.000	15671 (08/9/2021)			
II	Huyện Vị Xuyên	23.518.095	23.518.095	-	-		
1	Công ty TNHH một thành viên Chiến Mai	3.200.000	3.200.000	Số 05975, ngày 16/8/2021			Tăng thu NSNN
2	HTX Sơn Hải	9.268.500	9.268.500	Số 4672, ngày 05/8/2021			Tăng thu NSNN
3	Trung tâm dịch vụ cấp thoát nước và môi trường	11.049.595	11.049.595	Số 4469429, ngày 05/8/2021			Tăng thu NSNN
III	Huyện Xín Mần	6.084.000	6.084.000		-		
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5999	6.084.000	6.084.000	345221072955001 ngày 29/7/2021			
D	Phí BVMT	216.548.474	216.548.474	-	-		
I	VP Cục thuế	21.951.184	21.951.184	-	-		
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9	332.550	332.550	HGI112421 - 0018263 ngày 8/10/2021			
2	Công ty TNHH MTV Trang Linh	3.860.000	3.860.000	15671 (08/9/2021)			
3	Công ty CP ĐT và PT Phương Đông	11.978.250	11.978.250	HGI112421 -0018514 ngày 4/10/2021			

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
4	Công ty TNHH Bình Long	5.780.384	5.780.384	8271 (28/4/2021)			
II	Huyện Mèo Vạc	12.485.100	12.485.100		-		
1	HTX Hoa Long	12.485.100	12.485.100	5126119_07/10/2021			
III	Huyện Vị Xuyên	180.708.190	180.708.190	-	-		
1	Công ty TNHH một thành viên Chiến Mai	2.413.000	2.413.000	Số 05976, ngày 16/8/2021			Tăng thu NSNN
2	Hợp tác xã Lâm Thành	107.989.560	107.989.560	Số 3043434, ngày 28/7/2021			Tăng thu NSNN
3	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Tùng Bá Hà Giang	35.516.100	35.516.100	Số 2753442, ngày 30/6/2021			Tăng thu NSNN
4	Công ty TNHH Trường Thịnh	14.440.020	14.440.020	Số 3124608, ngày 21/5/2021 và Bảng kê nộp tiền ngày 8/10/2021			Tăng thu NSNN
5	Hợp tác xã TTCN trường Thành	16.244.910	16.244.910	Số 03650, ngày 21/5/2021			Tăng thu NSNN
6	Hợp tác xã Bảo Hà	4.104.600	4.104.600	Số 5674, ngày 29/7/2021			Tăng thu NSNN
IV	Huyện Xín Mần	1.404.000	1.404.000		-		
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5999	1.404.000	1.404.000	NTDT2110290947088 ngày 29/10/2021			
E	Thuế TNCN	46.795.757	46.795.757		-		
I	VP Cục thuế	40.555.757	40.555.757		-		
1	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Minh Phương	40.555.757	40.555.757	15533 (06/9/2021)			
II	Huyện Vị Xuyên	6.240.000	6.240.000		-		
1	Thị trấn nông trường Việt Lâm	6.240.000	6.240.000	Số 5686, ngày 23/7/2021			Tăng thu NSNN
F	Phí, lệ phí	114.467.900	114.467.900		-		
I	VP Cục thuế						
1	Ngô Đức Thắng (huyện Quang Bình)	17.622.900	17.622.900	4684254 ngày 31/8/2021			
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang, Địa chỉ: Tổ 9, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	96.845.000	96.845.000	2666245 ngày 24/6/2021			

KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số...96...ngày...22...tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
*	TỔNG CỘNG	63.847.770.377		62.119.007.217		1.728.763.160		
I	Các khoản chi sai chế độ	1.460.810.409	Kiến nghị thu hồi nộp NSNN	1.453.878.791		6.931.618		
A	Chi đầu tư	770.610.409	0	763.678.791	0	6.931.618		
1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	85.767.732	Sai khối lượng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	85.767.732		0		
2	Ban quản lý các dự án cấp, thoát nước tỉnh Hà Giang	124.262.681	Sai khối lượng chi phí xây dựng của 02 dự án đã nghiệm thu thanh toán	124.262.681	Giấy NTKP số 01 ngày 11/11/2021; Giấy nộp trả kinh phí số 02 ngày 11/11/2021	0		Công ty TNHH Khánh Chi; Công ty CP Contrexim 1; Công ty TNHH Phương Anh
3	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	10.417.000	Sai khối lượng chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	10.417.000	GNTKP số 01 ngày 22/9/2021	0		
4	Sở Khoa học và Công nghệ	15.333.984	Sai khối lượng chi phí thẩm định thiết kế, dự toán bổ sung của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	15.333.984	Giấy nộp trả kinh phí số 01/211115 ngày 15/11/2021	0		
5	Huyện Bắc Quang	31.161.939	Sai khối lượng chi phí xây dựng của 01 dự án, chi phí thẩm tra QT của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	31.161.939	Đã ban hành Quyết định số 8300/QĐ-UBND, ngày 27/9/2021 của UBND huyện Bắc Quang về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị quyết toán công trình xây dựng hoàn thành + Đã nộp trả kinh phí 31.161.939 đồng (theo 02 chứng từ kèm theo)	0		
6	Huyện Mèo Vạc	88.949.424	Sai khối lượng chi phí xây dựng của 04 dự án đã nghiệm thu thanh toán	88.949.424		0		
7	Huyện Vị Xuyên	300.034.674	Sai khối lượng chi phí xây dựng của 02 dự án, chi phí tư vấn của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	300.034.674	GNTKP số 03 ngày 16/8/2021	0		
8	Huyện Xín Mần	114.682.975	Sai khối lượng chi phí xây dựng, chi phí thẩm định của 02 dự án, chi phí thẩm tra QT của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán	107.751.357		6.931.618	có Văn bản giải trình số 102/CV-KT&HT ngày 12/10/2021	
B	Chi thường xuyên	690.200.000	0	690.200.000	0	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Sở Y tế	690.200.000	Văn phòng Sở: Kinh phí thi đua khen thưởng đơn vị được giao dự toán hàng năm vào kinh phí không thường xuyên loại 130-139, Văn phòng Sở Y tế đã chuyển toàn bộ kinh phí được giao vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc để chi trả cho đơn vị trong ngành y tế địa bàn toàn tỉnh theo các quyết định khen thưởng, tại thời điểm kiểm toán số dư trên tài khoản tiền gửi 690,2trđ đã hết nhiệm vụ chi của năm 2020 đơn vị phải nộp trả ngân sách nhà nước.	690.200.000	GNT KP số 01/2021 ngày 22/9/2021			
II	Giảm dự toán, thanh toán	19.886.206.507	Kiến nghị giảm dự toán, giảm thanh toán	19.148.079.163		738.127.344		
A	Chi đầu tư	4.340.398.520		4.182.372.555		158.025.966		
1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	1.133.403.854	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 02 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	1.133.403.854		0		
2	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	158.025.965	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	0		158.025.965	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Tư bổ di tích Trung ương- Vinademon đơn vị thi công đã giảm trừ dự toán tính toán khối lượng chưa chính xác tại một số công tác như: Chặt cây làm đường, cốt thép móng tượng đài, lát đá khuôn viên sân vườn và đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình giai đoạn I gửi sở Tài chính thẩm định.	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	471.411.480	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án; chi phí kiểm định chất lượng, lệ phí thẩm định dự án điều chỉnh tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	471.411.480				

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
4	Huyện Bắc Quang	210.610.856	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 02 dự án, chi phí thẩm tra QT tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	210.610.856	Quyết định số 8150/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021 của UBND huyện Bắc Quang về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị quyết toán công trình xây dựng hoàn thành; QĐ số 7899/QĐ-UBND, ngày 26/8/2021 về việc quyết toán trình xây dựng hoàn. Trong đó có nội dung giảm trừ thanh toán 52.195.215 đồng theo Kết luận Kiểm toán; QĐ số 9547/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND huyện Bắc Quang và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Hà Giang	0		
5	Huyện Mèo Vạc	140.564.732	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án, chi phí thẩm định thiết kế, dự toán tại 05 dự án, chi phí thẩm tra QT, chi phí lập BCKTKT tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	140.564.732		0		
6	Huyện Vị Xuyên	2.107.493.407	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 02 dự án, chi phí giám sát tại 01 dự án, chi phí tư vấn đấu thầu, tư vấn KS, thiết kế BVTC-DT tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	2.107.493.407	Phụ lục bổ xung hợp đồng thi công xây dựng số 241/2021/PLHD-XD ngày 10/9/2021; PLHD số 240 ngày 10/9/2021 bổ xung HDKT số 23; PLHD số 208/2021/PLHD-XD ngày 10/7/2021 bổ xung HDKT số 258/2018/HD-XD; PLHD số 210/2021/PLHD-XD ngày 10/7/2021 bổ xung HDKT số 115/2018/HD-KSTK; PLHD số 209/2021/PLHD-TVDT ngày 10/7/2021 bổ xung HDKT số 41/2018/HD-TVDT.	0		
7	Huyện Xín Mần	118.888.226	Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án, chi phí kiểm tra nghiệm thu tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán	118.888.226	Phụ lục hợp đồng số 07/2021/PL/HD-XD ngày 28/07/2021	0		
B	Chi thường xuyên	15.545.807.987		14.965.706.608		580.101.379		
	Giảm trừ dự toán chi ngân sách nguồn cải cách tiền lương	15.545.807.987	Kiến nghị giảm trừ dự toán năm sau	14.965.706.608		580.101.379		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	156.261.720		156.261.720		0		
	Trường THPT Chuyên	72.331.400	Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	72.331.400	Quyết định 2691/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021			

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Trường THPT Lê Hồng Phong	62.934.640	Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	62.934.640	Quyết định 2691/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021			
	Trường THPT Ngọc Hà	4.493.600	Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	4.493.600	Quyết định 2691/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021			
	Trường THCS&THPT Phương Tiến	5.048.400	Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	5.048.400	Quyết định 2691/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021			
	Trường THCS&THPT Tùng Bá	11.453.680	Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	11.453.680	Quyết định 2691/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021			
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	350.569.551		270.498.172		80.071.379		
	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	937.600	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	937.600	Quyết định 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh	0		
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	3.200.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	3.200.000	Quyết định 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh	0		
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	3.201.873	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	3.201.873	Quyết định 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh	0		
	Chi cục Thủy lợi	131.977.985	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	131.977.985	Quyết định 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Trung tâm Thủy sản (Thu sản xuất cá giống)	3.644.594	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	0		3.644.594		
	Trung tâm KHKT giống cây trồng Đạo Đức	76.426.785	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	0		76.426.785		
	Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phò Bàng	131.180.714	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	131.180.714	Quyết định 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh	0		
3	Sở Y tế	754.132.720	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Sở Y tế giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 số tiền 754,132trđ theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	754.132.720	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh	0		
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	4.127.458.650	Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	4.127.458.650	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh	0		
5	Huyện Bắc Quang	4.251.871.979		4.251.871.979		0		
	Trường THPT Việt Vinh	101.260.100	UBND huyện giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL từ 40% học phí theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2020	101.260.100	Quyết định số 8305/QĐ-UBND, ngày 27/9/2021 về việc giảm trừ dự toán của các đơn vị trường học năm 2021	0		
	Trung tâm Y tế huyện	1.292.833.183	UBND huyện giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL từ 35% viện phí theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2020	1.292.833.183	Quyết định số 8302/QĐ-UBND, ngày 27/9/2021 về việc giảm trừ dự toán của Trung tâm y tế huyện Bắc Quang năm 2021	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Bệnh viện Đa khoa huyện	1.811.584.696	Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	1.811.584.696	Quyết định số 8303/QĐ-UBND, ngày 27/9/2021 về việc giảm trừ dự toán của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quang năm 2021	0		
	Phòng Tài chính- Kế hoạch	1.046.194.000	UBND huyện giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL từ 40% học phí theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2020 của các trường trên địa bàn huyện (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Bắc Quang).	1.046.194.000	Quyết định số 8305/QĐ-UBND, ngày 27/9/2021 về việc giảm trừ dự toán của các đơn vị trường học năm 2021	0		
6	Huyện Mèo Vạc	530.000.000		530.000.000		0		
	Trung tâm y tế huyện	290.000.000	UBND huyện giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL từ 35% viện phí theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2020	290.000.000		0		
	Phòng Tài chính Kế hoạch	240.000.000	Rà soát, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ 40% nguồn học phí năm 2020 của các trường học chưa đủ theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Mèo Vạc).	240.000.000		0		
7	Huyện Vị Xuyên	2.362.000.000		2.362.000.000		0		
	Phòng Tài chính Kế hoạch	492.000.000	UBND các xã, thị trấn chưa trích, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ 70% nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2019 theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Vị Xuyên).	492.000.000	Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	1.870.000.000	Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	1.870.000.000	Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	0		
8	Huyện Xín Mần	3.013.513.367		2.513.483.367		500.030.000		
	Phòng Tài chính Kế hoạch	500.030.000	Rà soát, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ 40% nguồn học phí năm 2020 của các trường học chưa đủ theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Xín Mần).	0		500.030.000	Vi chưa có Quyết định nâng mức lương cơ sở. Nền số tiền 40% nguồn thu học phí các đơn vị đang tồn tại tại khoản tiền gửi của các đơn vị chờ CCTL để chi.	sẽ giảm trừ khi có QĐ nâng mức lương cơ sở từ 1.400 lên 1.600
	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	1.999.000.000	Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	1.999.000.000	QĐ số 2317/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang	0		
	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	467.323.367	Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.	467.323.367	QĐ số 2317/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Xã Nà Chi	47.160.000	Xã Nà Chi chưa trích, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2019 theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính.	47.160.000	QĐ số 218/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Nà Chi	0		
III	Nộp trả NSNN kinh phí thường xuyên	3.018.309.441		3.018.309.441		0		
1	Huyện Bắc Quang	766.321.141	Trung tâm Y tế huyện: Đơn giá khám bệnh tại các trạm y tế xã, thị trấn đã kết cấu lương và chi phí trực tiếp theo Điều 3, Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 và Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 và theo điểm b, khoản 2, Điều 22, Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 18/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang. Tiền lương đã được NSNN cấp đủ 100%, phần tiền công thu từ khám chữa bệnh chưa nộp trả NSNN 766trđ.	766.321.141	Đã Nộp trả Ngân sách nhà nước theo Ủy nhiệm chi số 01UNC/210924, ngày 24/9/2021			
2	Huyện Vị Xuyên	1.720.173.300	Trung tâm Y tế huyện: Đơn giá khám bệnh tại các trạm y tế xã, thị trấn đã kết cấu lương và chi phí trực tiếp theo Điều 3, Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 và Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 và theo điểm b, khoản 2, Điều 22, Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 18/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang. Tiền lương đã được NSNN cấp đủ 100%, phần tiền công thu từ khám chữa bệnh chưa nộp trả NSNN 1.720trđ.	1.720.173.300	Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 08/4/2021			
3	Huyện Xín Mần	531.815.000	Trung tâm Y tế huyện: Đơn giá khám bệnh tại các trạm y tế xã, thị trấn đã kết cấu lương và chi phí trực tiếp theo Điều 3, Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 và Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 và theo điểm b, khoản 2, Điều 22, Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 18/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang. Tiền lương đã được NSNN cấp đủ 100%, phần tiền công thu từ khám chữa bệnh chưa nộp trả NSNN 532trđ.	531.815.000	QĐ số 6857/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của UBND huyện Xín Mần	0		
IV	Nộp trả ngân sách cấp trên	32.362.894.518		32.362.894.518		0		
A	Nộp trả ngân sách trung ương	27.698.042.518	Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính	27.698.042.518		0		
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26.889.800.000	Chưa thu hồi nộp trả NSTW nguồn dự phòng NSTW năm 2018 kéo dài thời gian giải ngân đến hết 31/12/2020 của Dự án Kè chống sạt lở (Sông Ma) bảo vệ dân cư xã Tùng Bá, Vị Xuyên số kinh phí 26.889,8trđ.	26.889.800.000	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 04/10/2021			

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
2	Sở Tài chính	808.242.518	Kinh phí trung ương bổ sung mục tiêu hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người DTTS 55trđ; Kinh phí trung ương bổ sung mục tiêu hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội 753trđ.	808.242.518	Đã thực hiện tại vb số 12258 ngày 26/10/2021 của Bộ Tài chính	0		
B	Nộp trả ngân sách tỉnh	4.419.927.000	Theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính	4.419.927.000		0		
1	Huyện Bắc Quang	1.196.552.000	0	1.196.552.000	0	0		
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	325.000.000	Kinh phí mua trâu đực cấp cho các xã tại Quyết định số 4701/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 hết nhiệm vụ chi, đơn vị chuyển nguồn sai quy định số tiền 325trđ.	325.000.000	UBND huyện đã ban hành quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc nộp trả kinh phí ngân sách tỉnh năm 2021 theo KL Kiểm toán + giấy nộp trả kinh phí số 01 ngày 6/5/2021	0		
	Phòng Tài chính-Kế hoạch	871.552.000	Kinh phí vệ sinh môi trường khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường 3.610trđ; Kinh phí thực hiện hợp tác phát triển sản xuất theo liên kết và tiêu thụ sản xuất 867.942trđ (Dề kết dư ngân sách)	871.552.000	UBND huyện đã ban hành quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc nộp trả kinh phí ngân sách tỉnh năm 2021 theo KL Kiểm toán + giấy nộp trả kinh phí số 01 ngày 6/5/2021	0		
2	Huyện Mèo Vạc	3.127.700.000	- Kinh phí Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 còn dư 220trđ; Kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 còn dư 317trđ. - Kinh phí Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu chế độ học sinh còn dư chưa sử dụng 2.590,7trđ.	3.127.700.000	GNTNS số 01,02 ngày 25/6/2021	0		
3	Huyện Xín Mần	95.675.000	Phòng Tài chính - Kế hoạch: Kinh phí Tỉnh bổ sung có mục tiêu phòng chống dịch tả lợn châu phi năm 2020 không sử dụng hết do định mức thay đổi, Huyện đã thu hồi nhưng chưa nộp trả tỉnh theo quy định.	95.675.000		0		
C	Nộp trả ngân sách huyện	244.925.000	Theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính	244.925.000		0		
1	Huyện Vị Xuyên	9.320.000	Xã Linh Hồ: Kinh phí hỗ trợ thiên tai năm 2020 còn dư hết nhiệm vụ chi xã chưa nộp trả ngân sách huyện.	9.320.000	GNTKP số CTG00055 ngày 15/7/2021	0		
2	Huyện Xín Mần	235.605.000	Xã Nà Chì: Kinh phí hỗ trợ dân bị thiệt hại thiên tai về nhà ở còn dư đã hết nhiệm vụ chi chưa rà soát nộp trả ngân sách huyện 235trđ.	235.605.000		0		
V	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	3.997.582.639		3.013.878.441		983.704.198		
	Chi đầu tư	3.997.582.639		3.013.878.441		983.704.198		
1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	2.184.080.441	Sai khối lượng hợp đồng xây dựng chưa thực hiện của 02 dự án đầu tư.	2.184.080.441		0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số kiến nghị	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
2	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	516.948.000	Sai khối lượng hợp đồng xây dựng chưa thực hiện của 01 dự án đầu tư.	516.948.000	QĐ số 85/QĐ-BQLDA ngày 16/8/2021 của BQLDA công trình giao thông; PLHD số 33/2021/PLHD ngày 25/8/2021	0		
3	Huyện Mèo Vạc	983.704.198	Sai khối lượng hợp đồng xây dựng, hợp đồng giám sát chưa thực hiện của 01 dự án đầu tư.	0		983.704.198	Đã gửi hồ sơ trình Sở Giao thông vận tải thẩm định điều chỉnh	
4	Huyện Vị Xuyên	312.850.000	Sai khối lượng hợp đồng xây dựng chưa thực hiện của 01 dự án đầu tư.	312.850.000	PLHD số 208/2021/PLHD-XD ngày 10/7/2021 bổ xung HDKT số 258/2018/HĐ-XD	0		
VI	Thu hồi nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	3.121.966.863	Kiến nghị thu hồi nộp NSNN	3.121.966.863		0		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.198.218.863	Kinh phí cải cách lương ngân sách cấp thừa cho đơn vị (Trường Cao đẳng Sư phạm) phần chênh lệch mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách 1,21trđ lên 1,49trđ còn dư tại đơn vị nhưng hết năm rà soát nộp NSNN chưa đủ quy định 2.198trđ.	2.198.218.863	GNT vào NSNN ngày 07/9/2021			
2	Huyện Xín Mần	923.748.000	Phòng Tài chính Kế hoạch: Kinh phí NSNN đầu tư cho các dự án phát triển nông lâm nghiệp phải thu hồi một phần nộp NSNN nhưng chưa thu nộp đủ theo quy định tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Xín Mần).	923.748.000		0		

KIẾN NGHỊ KHÁC VỀ THU NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số.....96.....ngày...22...tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Ghi chú, lý do	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
*	TỔNG CỘNG	26.408.187.064	-	26.408.187.064	-	-		
I	Thuế GTGT	4.783.178	0	4.783.178		0		
1	Văn phòng Cục Thuế	4.783.178		4.783.178		0		
1.1	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	4.783.178	Đơn vị hạch toán thuế GTGT đầu được khấu trừ vào chi phí sản xuất kinh doanh và kết chuyển vào giá vốn trong kỳ. Đơn vị đang áp dụng kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kê toán hành chính sự nghiệp).	4.783.178	Theo TB kết luận của kiểm toán số 427 ngày 30/7/2021			
II	Giảm thuế TNDN năm 2020	439.923.726		439.923.726		0		
1	Văn phòng Cục Thuế	303.091.540		303.091.540		0		
1.1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9	7.090.909	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	7.090.909	Theo TB kết luận của kiểm toán số 413 ngày 30/7/2021			
1.2	Công ty TNHH Khánh Chi	7.693.485	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	7.693.485	Theo TB kết luận của kiểm toán số 418 ngày 30/7/2021			
1.3	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hà Giang	11.119.418	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	11.119.418	Theo TB kết luận của kiểm toán số 424 ngày 30/7/2021			
1.4	Công ty cổ phần thủy điện Thanh Thủy	16.006.630	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	16.006.630	Theo TB kết luận của kiểm toán số 414 ngày 30/7/2021			
1.5	Công ty TNHH Thọ Giang	53.587.423	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	53.587.423	Theo TB kết luận của kiểm toán số 415 ngày 30/7/2021			
1.6	Công ty TNHH Sơn Lâm	70.819.369	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	70.819.369	Theo TB kết luận của kiểm toán số 410 ngày 30/7/2021			
1.7	Công ty CP môi trường đô thị Hà Giang	11.310.433	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	11.310.433	Theo TB kết luận của kiểm toán số 411 ngày 30/7/2021			
1.8	Công ty TNHH Tân Bình Minh	1.828.375	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.828.375	Theo TB kết luận của kiểm toán số 408 ngày 30/7/2021			
1.9	Công ty TNHH MTV T&D Hà Giang	3.488.880	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	3.488.880	Theo TB kết luận của kiểm toán số 409 ngày 30/7/2021			
1.10	Công ty TNHH MTV 459	6.040.341	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	6.040.341	Theo TB kết luận của kiểm toán số 412 ngày 30/7/2021			
1.11	Công ty TNHH MTV Trang Linh	165.900	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	165.900	Theo TB kết luận của kiểm toán số 406 ngày 30/7/2021			
1.12	Công ty TNHH Thanh Long	1.342.953	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.342.953	Theo TB kết luận của kiểm toán số 407 ngày 30/7/2021			
1.13	Công ty TNHH Vân tại Phương Anh	16.648.539	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	16.648.539	Theo TB kết luận của kiểm toán số 431 ngày 30/7/2021			
1.14	Công ty CP ĐT và PT Phương Đông	11.881.305	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	11.881.305	Theo TB kết luận của kiểm toán số 430 ngày 30/7/2021			

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Ghi chú, lý do	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
1.15	Công ty TNHH Bảo Sơn	7.957.255	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	7.957.255	Theo TB kết luận của kiểm toán số 429 ngày 30/7/2021			
1.16	Công ty TNHH TM Hoàng Minh	10.776.264	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	10.776.264	Theo TB kết luận của kiểm toán số 428 ngày 30/7/2021			
1.17	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên	286.991	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	286.991	Theo TB kết luận của kiểm toán số 427 ngày 30/7/2021			
1.18	Công ty TNHH Duy Thành	9.972.810	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	9.972.810	Theo TB kết luận của kiểm toán số 426 ngày 30/7/2021			
1.19	Công ty TNHH Tân Sơn	19.679.400	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	19.679.400	Theo TB kết luận của kiểm toán số 425 ngày 30/7/2021			
1.20	Công ty TNHH Bình Long	4.629.000	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	4.629.000	Theo TB kết luận của kiểm toán số 423 ngày 30/7/2021			
1.21	Công ty CP Hợp kim Sắt Hà Giang	30.765.860	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	30.765.860	Theo TB kết luận của kiểm toán số 422 ngày 30/7/2021			
2	Huyện Bắc Quang	50.165.810		50.165.810		0		
2.1	Công TNHH MTV Thuận Linh HD	4.337.007	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	4.337.007	Theo TB kết luận của kiểm toán số 385 ngày 22/7/2021			
2.2	DNTN Xí nghiệp Xây lắp và Chế biến Nông Lâm sản Chiến Thắng	2.326.012	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	2.326.012	Theo TB kết luận của kiểm toán số 380 ngày 22/7/2021			
2.3	Công ty TNHH Kỹ Nam	2.127.075	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	2.127.075	Theo TB kết luận của kiểm toán số 383 ngày 22/7/2021			
2.4	Công ty TNHH Huy Phương	18.474.808	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	18.474.808	Theo TB kết luận của kiểm toán số 382 ngày 22/7/2021			
2.5	Công ty TNHH Sơn Bắc Bắc Quang	5.454.545	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	5.454.545	Theo TB kết luận của kiểm toán số 377 ngày 22/7/2021			
2.6	Công ty TNHH Quang Ngọc	13.651.363	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	13.651.363	Theo TB kết luận của kiểm toán số 384 ngày 22/7/2021			
2.7	Công ty TNHH Cường Phú	3.795.000	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	3.795.000	Theo TB kết luận của kiểm toán số 381 ngày 22/7/2021			
3	Huyện Mèo Vạc	3.980.722		3.980.722		0		
3.1	Công ty TNHH MTV Yên Nhi	1.376.730	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.376.730	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 2/4/2021			
3.2	Công Ty TNHH MTV Bình Minh 2	967.154	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	967.154	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 2/4/2021			
3.4	Công ty TNHH ĐTXD Bắc Nam	120.028	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	120.028	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 2/4/2021			
3.6	HTX thương mại vận tải và xây dựng Việt Tiến	1.516.810	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.516.810	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 2/4/2021			
4	Huyện Vị Xuyên	48.934.569		48.934.569		0		
4.1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Lộc	8.870.111	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	8.870.111	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 30/3/2021			
4.2	Công ty TNHH một thành viên Chiến Mai	1.108.581	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.108.581	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 31/3/2021			
4.3	Công ty trách nhiệm hữu hạn An Ly Hà Giang	12.997.957	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	12.997.957	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 29/3/2021			
4.4	Doanh nghiệp tư nhân Hữu Nghị	10.297.920	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	10.297.920	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 29/3/2021			

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Ghi chú, lý do	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
4.5	Công ty TNHH một thành viên Khánh Vũ 289	15.660.000	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	15.660.000	Theo BB Kiểm tra đối chiếu của Kiểm toán, ngày 01/4/2021			
5	Huyện Xín Mần	33.751.084		33.751.084		0		
5.1	Hợp tác xã Tân Mỹ	2.228.704	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	2.228.704	KTNN đã xác định thuế TNDN được giảm 30% và thực hiện giảm trên số tiền thuế TNDN phải truy thu. Theo biên bản kiểm tra đối chiếu ngày 20/4/2021.			
5.2	Công ty CP thương mại Hải Đoàn	9.060.633	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	9.060.633	KTNN đã xác định thuế TNDN được giảm 30% và thực hiện giảm trên số tiền thuế TNDN phải truy thu. Theo biên bản kiểm tra đối chiếu ngày 20/4/2021.			
5.3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5999	20.481.747	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	20.481.747	KTNN đã xác định thuế TNDN được giảm 30% và thực hiện giảm trên số tiền thuế TNDN phải truy thu. Theo biên bản kiểm tra đối chiếu ngày 20/4/2021.			
5.4	Công ty CP Xây dựng thủy điện Hà Giang	1.980.000	Giảm bổ sung 30% thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ	1.980.000	KTNN đã xác định thuế TNDN được giảm 30% và thực hiện giảm trên số tiền thuế TNDN phải truy thu. Theo biên bản kiểm tra đối chiếu ngày 20/4/2021.			
III	Giảm số thuế TNDN đã quyết toán giảm 30%	19.239.796		19.239.796		0		
1	Văn phòng Cục Thuế	17.225.617	Giảm số đã kê khai giảm 30% theo NĐ 114/2020/NĐ-CP do đơn vị được điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp qua KT, ĐC	17.225.617				
1.1	Công ty cổ phần Minh Tâm	17.225.617	Giảm số đã kê khai giảm 30% theo NĐ 114/2020/NĐ-CP do đơn vị được điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp qua KT, ĐC	17.225.617	Tờ khai điều chỉnh QT TNDN 07/9/2021			
2	Huyện Vị Xuyên	2.014.179		2.014.179		0		
2.1	Hợp tác xã Lâm Thành	2.014.179	Giảm số đã kê khai giảm 30% theo NĐ 114/2020/NĐ-CP do đơn vị được điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp qua KT, ĐC	2.014.179	Tờ khai Đ/c, ngày 13/8/2021			
IV	Giảm số phải nộp thuế TNDN	44.892.862		44.892.862		0		
1	Văn phòng Cục Thuế	40.193.108		40.193.108				
1.1	Công ty cổ phần Minh Tâm	40.193.108	Giảm thuế TNDN phải nộp (so với số đã quyết toán) do tăng chi phí được trừ là tiền thuế GTGT không được khấu trừ (bổ sung giá vốn 2020)	40193108	Tờ khai điều chỉnh QT TNDN 07/9/2021			
2	Huyện Vị Xuyên	4.699.754		4.699.754		0		
2.1	Hợp tác xã Lâm Thành	4.699.754	Giảm thuế TNDN phải nộp do với số đã quyết toán do tăng chi phí được trừ là tiền phí BVMT được bổ sung giá vốn 2020	4.699.754	Tờ khai Đ/c, ngày 13/8/2021			
V	Giảm thuế tài nguyên	62.578.400		62.578.400		0		
1	Huyện Vị Xuyên	62.578.400		62.578.400		0		
1.1	Hợp tác xã Lâm Thành	62.578.400	Giảm thuế tài nguyên phải nộp so với số đã quyết toán do đơn vị quyết toán thừa KL đá mua ngoài năm 2020	62.578.400	Tờ khai Đ/c, ngày 13/8/2021			
VI	Thu tiền sử dụng đất	25.836.769.102		25.836.769.102		-		
	Văn phòng Cục Thuế		3/4					

TT	Tên đơn vị	Số kiến nghị	Ghi chú, lý do	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
1	Tiền sử dụng đất năm 2020: Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh.	25.836.769.102	Thông báo thiếu số tiền sử dụng đất phải nộp theo Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 79/2019/NĐ-CP) trên cơ sở: Quyết định số: 1081/QĐ – UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Hà Giang V/v chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý, Bắc Ninh để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Hà Sơn tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Quyết định số: 2093/QĐ – UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Hà Giang V/v: Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý, Bắc Ninh được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Hà Sơn tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 57/PCTTĐC ngày 01/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Giang.	25.836.769.102	- Nộp 7.464.177.000đ chứng từ HGI 112221-62147333 ngày 6/12/2022 - Nộp 3.000.000.000đ chứng từ VCB031221 ngày 3/12/2021			Được trừ theo QĐ2232/QĐ-UBND ngày 27/10/2021) 15.372.623.000 đồng nên đơn vị chỉ phải nộp NSNN 10.464.177.000 đồng

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số.....96.....ngày..22...tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
*	TỔNG CỘNG	4.467.043.188	0	4.467.043.188	0	0		
I	Hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán	3.184.143.188	0	3.184.143.188	0	0		
	Chi đầu tư	3.184.143.188	0	3.184.143.188	0	0		
1	BQL các DA cấp, thoát nước tỉnh Hà Giang	3.034.450.900	- Chi phí xây lắp 2.261.059.500 đồng do Chủ đầu tư không điều chỉnh phát sinh giảm khối lượng đào đất nằm trong đơn giá tổng hợp của các công tác thi công của dự án khi điều chỉnh phát sinh tăng khối lượng đào phá đá. - Chi phí Thuế nhập khẩu 773.391.400 đồng do Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh hợp đồng khi chưa có ý kiến của người quyết định đầu tư, chưa có dự toán được duyệt	3.034.450.900	+ Văn bản số 5122/UBND-KTTH ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc chủ trương bổ sung chi phí Thuế nhập khẩu với giá trị là 773.391.400 đồng.+ Dự toán đã được thẩm định và phê duyệt tại văn bản số 231/TB-SXD ngày 30/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang; Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang.	0		
2	Sở Khoa học và Công nghệ	50.000.000	Hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đủ điều kiện nghiệm thu tại 01 dự án: Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng 50.000.000 đồng do không lập dự toán chi tiết.	50.000.000	Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 18/01/ 2022 của UBND tỉnh Hà Giang	0		
3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Quang	99.692.288	Thiếu hồ sơ hoàn công nên chưa đủ điều kiện nghiệm thu tại Dự án Sửa chữa, cải tạo hệ thống Thủy lợi + Cấp thoát nước thôn Minh Thượng - Minh Hạ, xã Tân Lập huyện Bắc Quang.	99.692.288	Báo cáo số 178/BC-BQL, ngày 24/8/2021 của BQL dự án ĐTXD huyện + Hồ sơ hoàn công đã chỉnh sửa			
II	Thu hồi tài sản đã bàn giao sai quy định, hoàn thiện hồ sơ chứng từ thanh toán	490.000.000	0	490.000.000	0	0		

TT	Chỉ tiêu/ Đơn vị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Số đã thực hiện	Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)	Số chưa thực hiện	Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện	Ghi chú
	Huyện Vị Xuyên (Xã Linh Hồ)	490.000.000	- Mua thiết bị bay không người lái (để phun thuốc trừ sâu) là loại trang thiết bị không có trong danh mục tài sản trang thiết bị chuyên dùng quy định tại 17/2018/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Hà Giang. - Bàn giao tài sản cho HTX Bản Sáng (là tổ chức tư nhân) chưa phù hợp quy định khoản 3, 5, Điều 10, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - Hồ sơ thanh toán chưa đảm bảo: Tài sản có giá trên 200trđ không đấu thầu theo quy định tại Điều 15, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; thời gian không đảm bảo hợp lý, mẫu thuẫn; hàng hoá nhập khẩu chưa cung cấp CO, CQ. - Chưa cung cấp được kế hoạch đào tạo cấp chứng chỉ người vận hành bay...	490.000.000	Quyết định số 10905/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	0		
III	Xử lý kinh phí tạm ứng	792.900.000	0	792.900.000	0	0		
	Huyện Mèo Vạc	792.900.000	Phòng Tài chính Kế hoạch: Kinh phí tạm ứng Dự án nước sinh hoạt Trung tâm thị trấn Mèo Vạc từ năm 2014 chưa thu hồi do sau khi thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư thì phải dừng Dự án. Tỉnh đã thu hồi vốn nguồn Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường (Công văn số 867/STC ngày 11/6/2014 của Sở Tài chính về việc thu hồi kinh phí), Huyện Mèo Vạc sử dụng nguồn ngân sách huyện tạm ứng cho bên nhà thầu từ năm 2014 chưa xử lý dứt điểm (hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán hoặc thu hồi tạm ứng).	792.900.000	Phiếu báo điều chỉnh số liệu ngân sách ngày 31/12/2021	0		

KIỂM NGHIỆM CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG, TÀI SẢN CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số.....**96**.....ngày...**22**...tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang)

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN	Ghi chú
		Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện		
	KIỂM TOÁN NSDP NĂM 2020					
A	Đối với UBND tỉnh Hà Giang					
I	Trong lĩnh vực thu NSNN					
	Chỉ đạo các đơn vị					
	- Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất để quyết định điều chỉnh, bổ sung văn bản đã ban hành:					
(1)	+ Đối với tỉ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai đá vôi: Lược bỏ hướng dẫn phần ghi chú “2,68-2,71 tấn/m ³ nguyên khai” tại mục 3, Phụ lục số 02, Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Hà Giang để phù hợp với quy định khoáng sản nguyên khai theo Luật khoáng sản.	X			Sở Tư pháp đang thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định	
(2)	+ Quy định điều chỉnh đơn vị tính khoáng sản nguyên khai đối với đá làm vật liệu thông thường, đất sét làm gạch, ngói phù hợp với đơn vị tính (m ³) của mức phí phải nộp do UBND tỉnh quy định;	X			Sở Tư pháp đang thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định	

(3)	- Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, rà soát, xử lý theo quy định đối với các điểm mỏ khai thác khoáng sản kim loại có phát sinh việc kê khai, quyết toán phí BVMT không đúng với tỷ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai theo quy định của tỉnh. Quy định bổ sung tỷ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai đối với điểm mỏ của Công ty TNHH Khoáng Sản Hồng Hà.	X		Ngày 23/9/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 2718/STNMT-KSN gửi và đề nghị Cục Thuế tỉnh rà soát, cung cấp danh sách các điểm mỏ khai thác khoáng sản kim loại trên địa bàn tỉnh có phát sinh việc kê khai, quyết toán phí BVMT không đúng tỷ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh; ngày 30/9/2021, Cục Thuế tỉnh có Văn bản số 724/CTHGI-NVDTPC gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Cục Thuế tỉnh có ý kiến: sau khi kiểm tra, rà soát lại các điểm mỏ khai thác khoáng sản kim loại có phát sinh việc kê khai, quyết toán phí BVMT, Cục Thuế không phát sinh đơn vị nào quy đổi khoáng sản nguyên khai không đúng tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh; Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3325/UBND-KTTH ngày 18/8/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (trong đó có tỷ lệ quy đổi đối với điểm mỏ của Công ty TNHH khoáng sản Hồng Hà), gửi lấy ý kiến tham gia của Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh tại Văn bản số 2470/STNMT-KSN ngày 31/8/2021. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu chỉnh sửa, và có Văn bản số 2713/STNMT-KSN ngày 23/9/2021 gửi xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; hiện nay, Sở Tư pháp đang tiến hành thẩm định theo quy định (dự kiến tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quyết định trong tháng 10/2021).	
(4)	- Cục Thuế, UBND huyện Vị Xuyên, UBND huyện Mèo Vạc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập dự toán thu NSNN. Việc xây dựng dự toán hoàn thuế cần được chú trọng, đánh giá tình hình để đảm bảo dự toán sát với tình hình thực tế của địa phương.	X		CV 523/CTHGI-NVDTPC ngày 16/7/2021 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang v/v chấn chỉnh thực hiện kiến nghị KTNN X; UBND huyện Mèo Vạc đã giao cho các cơ quan chuyên môn nghiên cứu tiếp thu và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu cho UBND huyện lập dự toán thu NSNN trong những năm tiếp theo; UBND huyện Vị Xuyên đã ban hành Văn bản số 1398/UBND-TCKH, ngày 29/7/2021.	
(5)	- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế: rà soát, xác định tiền thuê đất phải nộp và tiến hành giao đất, cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần chè Hùng An.		X	Hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang rà soát hồ sơ địa chính, kiểm tra phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa theo đề nghị của Công ty cổ phần Chè Hùng An tại Tờ trình số 38/TTr-CT ngày 20/9/2021 để trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất theo quy định. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn Công ty cổ phần Chè Hùng An hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định	

(6)	- Cục Thuế (i) Giải quyết dứt điểm đề nghị của NNT (Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông) trên cơ sở làm việc với NNT để xác định chính xác số tiền chậm nộp tiền cấp quyền KTKS, để NNT thực hiện nộp NSNN theo quy định; (ii) Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc ra thông báo thu tiền sử dụng đất đối với Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý, Bắc Ninh không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 79/2019/NĐ-CP); đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc:		X		CV 523/CTHGI-NVDTPC ngày 16/7/2021 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang v/v chấn chỉnh thực hiện kiến nghị KTNN X	
(7)	+ Chi cục Thuế khu vực Hoàng Su Phì – Xín Mần rút kinh nghiệm và khắc phục tồn tại trong việc: Lập bộ và áp dụng mức bán lẻ thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5% chưa phù hợp theo khoản 3, Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính (Thuế GTGT 3% và thuế TNCN 1%); rà soát đưa vào quản lý lập bộ thu để khai thác nguồn thu đối với 06 hộ được cấp giấy phép và hoạt động kinh doanh karaoke; đồng thời, xác định thuế TNDN tương ứng với công trình/hạng mục hoàn thành mà KTNN đã kiến nghị xuất hóa đơn, tăng thuế GTGT nhưng Công ty CP TM Hải Đoàn chưa tập hợp đủ chi phí để xác định giá vốn tại thời điểm kiểm toán.		X		*HKD KD dịch vụ Karaoke: do các hộ kinh doanh tại địa bàn các xã khó khăn, mới đăng ký thêm dịch vụ Karaoke cũng do dịch bệnh kéo dài và theo công văn của chính quyền địa phương yêu cầu đóng cửa đối với dịch vụ Karaoke để phòng chống dịch nên chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động Karaoke. Vì vậy các hộ kinh doanh dịch vụ Karaoke tạm nghỉ kinh doanh do không được phép hoạt động * Đối với công ty CPTM Hải đoàn: đã thực hiện xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT công trình theo kiến nghị của KTNN. Về thuế TNDN Công ty sẽ thực hiện quyết toán theo năm tài chính.	
(8)	+ Chi cục Thuế khu vực Đồng Văn – Mèo Vạc chấn chỉnh trong việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa các bên có liên quan trên địa bàn huyện về việc thực hiện đăng ký thuế cho các hộ kinh doanh, chậm so với quy định tại theo Quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015 của Tổng cục Thuế, dẫn đến 1.075 hộ chưa có MST.		X			
(9)	+ Các bộ phận quản lý nợ thuế, các Chi cục Thuế chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý nợ thuế chưa chặt chẽ dẫn tới tỷ lệ nợ thuế cao và hạch toán sai số nợ thuế, chưa cập nhật đầy đủ số nợ thuế lên hệ thống quản lý; rà soát, điều chỉnh số nợ thuế phản ánh sai và cập nhật số nợ thuế còn thiếu trên hệ thống TMS 2.138trđ.		X		-Đã điều chỉnh số nợ thuế phản ánh sai trên hệ thống (TMS) - Đối với số thuế nợ còn thiếu trên hệ thống TMS 2.138trđ của Công ty CP Chè Hùng An hiện đang vướng mắc đối với thủ tục thuế đất.	
	Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan:					

(10)	- Thanh tra, kiểm tra để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với các doanh nghiệp có hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên nước làm thủy điện không có giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (Công ty TNHH thủy điện Sông Lô 2; Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam; Công ty Điện lực Hà Giang; Trạm thủy điện Nà Tri; Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Thủy; Công ty Cổ phần công nghiệp Việt Long).	X			CV số 2921/STNMT-KSN ngày 12/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện (nơi có công trình thủy điện) tổ chức kiểm tra, làm việc với Công ty TNHH thủy điện Sông Lô 2 (chủ đầu tư thủy điện Sông Lô 2), Công ty cổ phần thủy điện Thanh Thủy (dự án thủy điện Việt Long 2 (Việt Lâm)), Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam (dự án thủy điện Nậm Mả), Công ty cổ phần công nghiệp Việt Long (nhà máy thủy điện Thác Thầu), Công ty TNHH dịch vụ thương mại và xây dựng Long Anh (chủ Trạm thủy điện Nà Tri).	
(11)	- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan để xác định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước làm thủy điện để thu nộp NSNN.	X			CV số 2921/STNMT-KSN ngày 12/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tính, thẩm định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường với tổng số tiền trên 363 tỷ đồng; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tính, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh với tổng số tiền phê duyệt trên 10 tỷ đồng.	
(12)	- UBND huyện Quang Bình, huyện Đồng Văn yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai của các địa phương chấn chỉnh việc chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế đối với các trường hợp đủ điều kiện và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 1, Điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.	X			- UBND huyện Quang Bình đã ban hành văn bản số 1194/CV-UBND ngày 31/8/2021; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 745/PCTTĐC ngày 31/12/2019; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTb2120118-TK0000820/TB-CCT ngày 24/8/2021. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 25/8/2021 (nộp 3.021.400 đồng tiền phạt chậm nộp) và ngày 31/8/2021 nộp là 17.622.900 đồng (tiền lệ phí trước bạ). Huyện Đồng Văn đã ban hành Báo cáo số 67/BC-CNVPĐK ngày 27/9/2021.	
(13)	Công tác quản lý nhà nước liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020: Chỉ đạo huyện Xín Mần chấn chỉnh trong việc tổng hợp báo cáo đầy đủ số miễn, giảm thuế 1.439trđ.			X		
II	Trong lĩnh vực chi đầu tư					

(14)	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập, phân bổ kế hoạch vốn; bố trí vốn, thực hiện vượt quá 05 năm đối với dự án nhóm B và 03 năm đối với dự án nhóm C; chưa tập trung bố trí vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành.	X			Nội dung này Sở KHĐT đã tham mưu cho UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết và Quyết định điều chỉnh quyết định đầu tư đối với một số dự án ĐTXD trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 và Văn bản số 3679/UBND-KTTH ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh. Hiện nay việc bố trí vốn cho các dự án đã được tuân thủ theo đúng Luật Đầu tư công.	Trong giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc các nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không giao đủ; giữa số vốn thông báo và quyết định giao chính thức giảm trên 2.000 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện, Trung ương tiếp tục giao giảm trên 600 tỷ đồng đối với phần phân bổ 90% và không giao trên 700 tỷ đồng đối với phần dự phòng 10%; không giao 570 tỷ đồng của nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguồn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn bố trí cho các dự án quan trọng bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Cùng với đó, tỉnh Hà Giang phải tập trung trả nợ cho các khoản vay tín dụng Ngân hàng phát triển, Kho bạc Nhà nước (978 tỷ đồng), trả nợ khối lượng nợ đọng XDCB theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 (3.974,95 tỷ đồng). Do vậy, Tỉnh không đủ nguồn lực để bố trí vốn dứt điểm cho các dự án nhóm B, nhóm C và trả nợ khối lượng hoàn thành. (i) Đã chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với việc thẩm định các dự án. Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 05/1/2021 về việc triển khai thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021; Văn bản số 2522/HD-UBND ngày 28/12/2020 về việc triển khai thực hiện quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021; Hướng dẫn số 2523/HD-UBND ngày 28/12/2020 về việc tổ chức thực hiện dự toán thu NSNN và chi NSDP năm 2021; Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 07/01/2021 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2021.
(15)	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác phê duyệt chủ trương đầu tư khi chưa xác định cụ thể nguồn vốn đầu tư; thực hiện vượt thời gian so với quyết định phê duyệt dự án nhưng chưa điều chỉnh; phê duyệt dự án không ghi rõ thời gian thực hiện.	X				Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh về Thành lập hội đồng thẩm định cấp tỉnh, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo ĐXCĐĐT các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công; Quá trình thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn các dự án KCM giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công trong giai đoạn.
	Chỉ đạo các đơn vị thực hiện					
(16)	- Sở Tài chính tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc điểm 5, Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quyết toán dự án hoàn thành và tham mưu báo cáo UBND tỉnh xử lý trách nhiệm các đơn vị chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo Điều 24 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.	X			CV số 1419/STC-ĐT ngày 26/7/2021 Về tham mưu soạn thảo văn bản của UBND tỉnh về chấn chỉnh công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước; Cv số 3210/UBND-KTTH ngày 10/8/2021 V/v chấn chỉnh công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn NSNN.	

(17)	- Kho bạc nhà nước Hà Giang chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc kiểm soát thanh toán vốn đầu tư đối với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.	X			CV số 336/KBHG-KSC ngày 22/7/2021 Về việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán.	
(18)	- Sở Kế hoạch và Đầu tư: (i) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ vốn cho các dự án khi chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư; (ii) Rà soát các khoản ứng trước vốn NSDP từ năm 2018 trở về trước để tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn thu hồi theo quy định 56.043trđ.	X			Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 và Văn bản số 3679/UBND-KTTH ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và hàng năm (2014, 2015, 2016), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Sở Tài chính rà soát các khoản vốn ứng trước NSDP để tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thu hồi ứng trong phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm và đã được HĐND tỉnh thông qua. Do một số dự án trọng điểm, cấp bách cần được tập trung đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng nên phát sinh các khoản ứng trước NSDP. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Sở Tài chính rà soát thu hồi 100% số vốn NSDP còn tồn ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
(19)	- UBND huyện Bắc Quang: Bổ sung bản vẽ hoàn công làm căn cứ nghiệm thu, thanh quyết toán Dự án Sửa chữa, cải tạo hệ thống Thủy lợi + Cấp thoát nước thôn Minh Thượng - Minh Hạ, xã Tân Lập huyện Bắc Quang.	X			Báo cáo số 178/BC-BQL, ngày 24/8/2021 của BQL dự án ĐTXD huyện + Hồ sơ hoàn công đã chỉnh sửa.	
(20)	- Đối với sở Khoa học và Công nghệ: Lập dự toán Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng trình phê duyệt làm căn cứ cho nghiệm thu thanh toán; chưa thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu giám sát của dự án Xây dựng hệ thống phân phối nước cho thị trấn Đồng Văn và các khu lân cận từ ứng dụng công nghệ mới cấp nước bằng bơm không dùng điện PAT.			X		
(21)	- Các Chủ đầu tư được kiểm toán: (i) Lựa chọn các đơn vị tư vấn thiết kế có năng lực để thực hiện tốt công tác lập thiết kế - dự toán nhằm hạn chế các sai sót và có biện pháp khắc phục kịp thời, tồn tại trong công tác nghiệm thu, thanh toán; (ii) Xác định trách nhiệm và xử phạt theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra các sai sót công tác lập thiết kế - dự toán, nghiệm thu, thanh toán và thực hiện hợp đồng; (iii) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; (iv) Đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.	X			UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu nghiêm túc tiếp thu và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu cho UBND huyện trong những năm tiếp theo.	

(22)	- Ban quản lý các dự án cấp thoát nước tỉnh Hà Giang: (i) Làm rõ trách nhiệm việc thanh toán khoản 47.500 Euro cho nhà thầu Surez bằng việc sử dụng khoản dự phòng trong tổng giá trị của hợp đồng xây lắp chưa được Người quyết định đầu tư chấp thuận sử dụng dự phòng; (ii) Thương thảo, đàm phán với nhà thầu Surez xác định giảm giá trị của khối lượng đào đất móng kết cấu tương ứng với điều chỉnh tăng khối lượng đào đá từ 18m³ lên 830,6m³ tại Hạng mục Xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước; (iii) Điều chỉnh bổ sung dự toán và trình phê duyệt chi phí Thuế nhập khẩu với giá trị là 773.391.400 đồng, theo đúng quy định của pháp luật làm căn cứ nghiệm thu, thanh toán; (iv) Tính toán giá thành mảng vì sinh đảm bảo tính đúng, tính đủ cơ cấu chi phí trong giá thành xử lý nước thải làm cơ sở xây dựng đúng quy định phương án tài chính khi bàn giao và trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng.			X		
III Trong lĩnh vực điều hành chi ngân sách						
Chỉ đạo các đơn vị						
(23)	- UBND huyện Vị Xuyên xây dựng phương án để thực hiện phương thức giao nhiệm vụ (hoặc đặt hàng, đấu thầu) các khoản chi dịch vụ công (vệ sinh môi trường, kiến thiết đô thị) thuộc danh mục các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN theo quy định tại Điều 1, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc giao dự toán chi tiền lương từ NSNN cho người lao động không có trong biên chế được phê duyệt tại Trung tâm Dịch vụ cấp thoát nước và Môi trường huyện Vị Xuyên; chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt chi ngân sách mua sắm tài sản chưa đảm bảo quy định 490trđ (Xã Linh Hồ).			X		
(24)	- UBND huyện Xín Mần chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc: (i) sử dụng NSNN chi hợp đồng lao động ngoài số biên chế được giao chưa đúng ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 30/VPCP-TCCV ngày 04/01/2017 (Trường PTDT nội trú THCS xã Xín Mần: 06 lao động hợp đồng ngoài biên chế được duyệt); (ii) Các xã Bán Ngò, Nà Chì và Nàn Xín mua vật tư, thiết bị, cây giống... có giá trị gói thầu trên 200trđ bằng hình thức chỉ định thầu (không chào hàng cạnh tranh) chưa phù hợp quy định tại Điều 15, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.			X		

(25)	- UBND huyện Mèo Vạc xử lý dứt điểm khoản kinh phí 793trđ đã tạm ứng Dự án nước sinh hoạt Trung tâm thị trấn Mèo Vạc đã dừng thi công từ năm 2014 chưa thu hồi (hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh quyết toán hoặc thu hồi tạm ứng).			X		
IV Trong công tác quản lý tài sản nhà nước						
Chỉ đạo các đơn vị						
(26)	- Huyện Bắc Quang hướng dẫn đơn vị trực thuộc phân loại TSCĐ và phân ánh số liệu nguyên giá TSCĐ theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.	X			Công văn số 4994/UBND-VP Về việc thực hiện Thông báo Kết luận kiểm toán số 379/TB-KTX ngày 22/7/2021; về phân loại tài sản cố định theo quy định khoản 1, điều 3, thông tư 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính	
(27)	- Huyện Bắc Quang phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính) xem xét giải quyết việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định tại Luật Đất đai và các văn bản quy định của Nhà nước đối với 03 cơ sở: (01) Trụ sở làm việc UBND xã Tân Thành cũ; (02) Điểm trường thôn Kim Bàn thuộc Trường Tiểu học An Tiến, nay thuộc trường Tiểu học Hùng An; (03) Chợ đầu mối hoa quả Vĩnh Tuy sau khi thực hiện bán đấu giá tài sản và báo cáo kết quả xử lý về KTNN khu vực X.	X			Hiện nay Sở Tài nguyên và môi trường có Công văn số 2774/CV ngày 28/9/2021, gửi Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường ý kiến hướng dẫn tháo gỡ khó khăn. Vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	
(28)	- Huyện Vị Xuyên thu hồi tài sản (thiết bị bay không người lái để phun thuốc trừ sâu) đã giao cho HTX Bán Sáng (là tổ chức tư nhân) chưa phù hợp quy định Điều 21 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và giao cho đơn vị có chức năng nhiệm vụ phù hợp quy định.			X		
(29)	- Huyện Xín Mần rà soát chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan hạch toán trên sổ kế toán theo quy định tại Chương XI, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.			X		
V Trong công tác kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước						
(30)	Chỉ đạo các đơn vị: Huyện Bắc Quang, Vị Xuyên, Xín Mần hướng dẫn đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách đảm bảo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (in, ký các sổ kế toán tổng hợp, chi tiết đầy đủ; lập báo cáo tài chính đủ hồ sơ; hạch toán phản ánh đủ nội dung trên tài khoản kế toán; lập 01 báo cáo tổng hợp quyết toán kinh phí hợp nhất toàn đơn vị).	X			Huyện Bắc Quang đã ban hành CV số 5194/UBND-VP Về việc thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách đảm bảo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC	

(31)	Gửi KTNN Báo cáo quyết toán chính thức trình HĐND phê chuẩn, đồng thời thuyết minh rõ số liệu chênh lệch so với số KTNN xác định (nếu có).	X			Nghị Quyết số 51/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 về phê chuẩn quyết toán thu NSNN trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020	
B	Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang					
(32)	Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 theo quy định; đôn đốc và tổ chức giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.	X			Nghị Quyết số 51/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 về phê chuẩn quyết toán thu NSNN trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020	

